

Bản án số: 476/2024/DS-PT

Ngày: 10-9-2024

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản;
Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Ông Lê Thanh Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tố Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 05 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản; Đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Kiên Ngọc T, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt).

2.2. Bà Lê Thị Kim C (tên thường gọi: M1), sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Phước Q, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

3. Chị Đinh Thị Mỹ D, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

5. Anh Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

6. Chị Mai Thị Hồng L (L1), sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

7. Chị Huỳnh Thị Anh T2, sinh năm 2002 (có đơn xin vắng mặt).

8. Chị Huỳnh Thị Minh T3, sinh năm 2004 (vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Huỳnh Văn M, Lê Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Kiên Ngọc T cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Đăng K thống nhất trình bày:

Vào ngày 23/9/2021 (nhằm ngày 07/8/2021 âm lịch) vợ chồng ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C cùng với chị Nguyễn Thị Kim N là cháu bà C đến nhà hỏi vay của bà T số tiền 680.000.000 đồng để chi tiêu trong gia đình, thỏa thuận miệng lãi suất 1,5% tháng, trả lãi mỗi tháng, thời hạn trả tiền vay là một tháng kể từ ngày vay. Để đảm bảo cho việc trả tiền vay, bà C có đưa cho bà T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AD 586460, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01387 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/5/2006 cho hộ ông Huỳnh Văn M để làm tin. Khi vay có làm biên nhận là giấy mượn tiền do bà T chuẩn bị sẵn, nội dung “Giấy mượn tiền” đã được bà T đánh máy sẵn có chừa chỗ trống ở mục người mượn, sinh ngày, nơi cư trú, chứng minh nhân dân số, số điện thoại liên lạc, số tiền, viết bằng chữ, thế chấp giấy tờ để làm tin, thời hạn trả tiền. Sau khi bà T đưa đủ số tiền vay cho bà C thì bà C kêu chị Nguyễn Thị Kim N điền thông tin vào giấy mượn tiền, sau đó bà C ký tên ghi họ tên. Sở dĩ ông Huỳnh Văn M không ký tên vào giấy mượn tiền là do ông M nói mất ông bị yếu để bà C làm gì thì làm. Đáng lẽ, vào tháng 10/2021 bà C phải trả cho bà T 10.200.000 đồng tiền lãi nhưng vào tháng 10/2021 bà C chỉ có gửi cho bà T 5.000.000 đồng tiền lãi, và không có khả năng gửi lại tiền vốn nên bà C có xin bà T cho gửi lãi hàng tháng đến khi nào có đủ vốn trả lại và bà C có trả được cho bà T 33.000.000 đồng tiền lãi. Do ông M và bà C vi phạm thời hạn trả nợ nên nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Kim C và ông Huỳnh Văn M phải cùng liên đới trả cho bà T số tiền vốn vay là 680.000.000 đồng, đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà C, ông M; bà T đã đưa cho chị Đinh Thị Mỹ D nên chị T đồng ý cùng liên đới với chị D trả lại bằng khoán cho bà C và ông M ngay khi ông M và bà Chi trả đủ số tiền trên. Bà T xác định không có cho

bà C vay số tiền 250.000.000 đồng. Bà T có biết chị Lê Thị Bé B (Thanh H) sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, do chị Bé B là bạn cùng mua mít nhưng trong vụ kiện này, người đến hỏi vay tiền bà là bà Lê Thị Kim C và ông Huỳnh Văn M. Chị Bé B có qua trả vốn lãi cho bà T nhưng đây là nợ riêng của chị Bé B với bà T. Nếu bà C nói người vay tiền của bà là chị Lê Thị Bé B thì bà đã yêu cầu chị B1 Ba xuống và trực tiếp làm biên nhận với bà T.

Bị đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:

Vào năm 2020, bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang - là chỗ hàng xóm có đến nhờ bà đi hỏi tiền dùm, bà đi hỏi thì được người ta chỉ cho bà Kiên Ngọc T có cho vay. Bà qua nhà gặp bà T để hỏi vay thì bà T nói phải có thể chấp giấy tờ mới cho vay. Bà có về nói lại bà Bé B và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang - là mẹ ruột của bà Bé B nghe. Bà C1 và bà B1 Ba kêu bà cứ cho mượn bằng khoán đi, bà Bé B làm ăn vài tháng sẽ trả tiền lấy lại bằng khoán cho bà. Mấy ngày sau, bà đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AD 586460, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01387 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/5/2006 cho hộ ông Huỳnh Văn M qua để hỏi vay của bà T số tiền 250.000.000 đồng, lúc vay tiền bà không có nói vay dùm cho bà Bé B. Bà T đồng ý cho vay, thỏa thuận thời hạn trả trong vòng 31 ngày, mỗi ngày bà có nghĩa vụ trả cho bà T 10.000.000 đồng (bao gồm cả tiền vốn và lời), việc này có làm biên nhận nhưng biên nhận do bà T giữ. Sau khi đăng tiền vốn lãi được 02 ngày, đến ngày thứ 03 bà qua nhà bà T nói số tiền bà đứng ra vay 250.000.000 đồng là tiền bà đứng ra vay dùm cho bà Lê Thị Bé B, sau này bà B1 Ba sẽ trả cho bà T, bà chỉ cho mượn giấy tờ còn tiền bạc không có dính líu, sau này 02 người tự liên hệ việc trả tiền, bà T không có ý kiến gì. Bữa nào bà B1 Ba không gửi 10.000.000 đồng cho bà T thì bà T gọi cho bà, yêu cầu bà mang tiền đến trả cho bà T, bà đến nhà bà B1 Ba lấy tiền trả cho bà T. Bà Bé B có đưa tiền cho bà trả cho bà T nhiều lần nhưng bà không nhớ rõ là bao nhiêu, theo bà số tiền này bà đã trả dư cho bà T nhưng bà T không trả lại giấy đất cho bà. Sau đó, bà B1 Ba có nói cho bà biết là có mượn tiếp của bà T 150.000.000 đồng và tiếp tục dùng giấy đất của gia đình bà thế chấp cho bà T. Việc vay mượn này, bà T và bà Bé B thỏa thuận lãi suất như thế nào, có làm giấy tờ không bà không biết. Sau đó, bà Bé B có nhờ bà đem tiền đến trả cho bà T. Số tiền trả này được bà T ghi lại trong sổ sách của bà T, đến khi dịch bệnh thì bà T kêu bà đến vừa mít của bà T, bà T yêu cầu bà chỉ phải trả lại cho bà T liền một lần số tiền 250.000.000 đồng thì bà T sẽ trả lại giấy đất cho bà. Do không có liền số tiền 250.000.000 đồng nên bà xin bà T cho bà B1 Ba trả cho bà T 250.000.000 đồng nhưng xin trả hàng tháng. Được bà T đồng ý nên bà có nói với bà B1 Ba về việc bà T đồng ý cho trả lại số tiền 250.000.000 đồng, phương án trả là bà B1 Ba có tiền thì hàng tháng đưa cho bà để bà mang đến trả cho bà T. Và bà có mang tiền trả cho bà T như sau: Ngày 29/10/2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 30/11/2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 30 tháng chạp năm 2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 01/3/2022 trả 3.000.000 đồng, ngày 30/4/2022 trả

3.000.000 đồng, ngày 02/5/2022 trả 3.000.000 đồng, ngày 29/6/2022 trả 1.500.000 đồng sau đó ít ngày có đưa thêm 1.500.000 đồng, ngày 26/7/2022 trả 2.000.000 đồng, ngày 05/8/2022 trả 3.000.000 đồng. Đến tháng 9/2022, bà có đem tiền đến trả cho bà T nhưng bà T không nhận và nói: “Con không nhận tiền nữa, con đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.” Những lần trả tiền bà đều trả cho bà T, bà T có ký nhận, riêng lần trả 3.000.000 đồng vào ngày 05/8/2022 bà đưa tiền cho ông Phạm Phước Q là chồng bà T, ông Q có ký tên. Tổng số tiền bà đã trả cho bà T theo biên nhận là 33.000.000 đồng. Việc bà T có biên nhận vào ngày 23/9/2021 để khởi kiện là do vào ngày 26/7/2022 khi bà mang 2.000.000 đồng đến nhà trả cho bà T, lúc này tại nhà bà T có mặt bà, bà Kiên Ngọc T, ông Phạm Phước Q, thì trước mặt ông Q, bà T có đưa cho bà một tờ giấy được đánh máy sẵn nhưng có chừa khoảng trống để giấy mượn tiền và kêu bà ký tên vào. Bà có hỏi giấy mượn tiền là giấy gì thì bà T nói ký đi để người ta biết bà có mượn tiền bà T để bà T đi mượn lại tiền người khác để làm ăn. Do tin tưởng, nên bà có ký tên vào. Và cũng do có nghi ngờ nên sau đó, bà viết vào tờ giấy khác có nội dung: “Ngày 26/7/2022 có viết giấy làm chứng dùm là hoa có nợ T đăng cho T đi mượn tiền chứ 0 có quan hệ tới chín.” Bà T có viết xác nhận vào, bà T viết chữ “cho T”. Ý nghĩa tờ giấy này có nghĩa là: “Tôi có qua trả nợ cho T, T có kêu tôi ký giấy mượn tiền cho T đi mượn tiền chứ tờ giấy mượn tiền T đưa cho tôi ký tên không quan hệ gì tới tôi”. Chỉ có mình bà quan hệ tiền bạc với bà T, chồng bà là ông Huỳnh Văn M không biết việc này. Bà xác định bà chỉ còn nợ bà T 250.000.000 đồng chứ không có mượn của bà T 680.000.000 đồng. Nên nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T bà và chồng là ông Huỳnh Văn M đồng ý trả cho bà T 250.000.000 đồng nhưng xin mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Sau này, bà được biết bà T đã đưa bằng khoán của gia đình bà cho chị Đinh Thị Mỹ D nên bà và ông M có yêu cầu phản tố là yêu cầu bà T và bà D phải cùng liên đới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà và ông M. Đối với số tiền 33.000.000 đồng bà đã trả cho bà T bà không yêu cầu gì.

Bị đơn ông Huỳnh Văn M trình bày:

Ông là chồng của bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị Bé B, chị Nguyễn Thị Kim N là hàng xóm của ông. Việc bà Kiên Ngọc T trình bày vào ngày 23/9/2021, ông có cùng với bà C đứng ra vay số tiền 680.000.000 đồng, lúc vay tiền ông và bà C có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AD 586460, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01387 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/5/2006 do ông đại diện hộ đứng tên để làm tin là không đúng. Ông không biết bà Kiên Ngọc T là ai và cũng không ký tên vào giấy nợ. Việc bà C có giấy chủ quyền thế chấp cho bà T là do bà C tự ý lấy, sau này ông mới biết là bà C tự ý lấy giấy đất thế chấp cho bà T. Việc bà C có giao dịch vay mượn tiền với bà T hay không ông không biết. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông không đồng ý và có yêu cầu phản tố yêu cầu bà T cùng với chị Đinh Thị Mỹ D phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông và bà C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Chị là cháu ở gần xóm với ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C. Việc bà Kiên Ngọc T khai vào ngày 23/9/2021 (nhằm ngày 07/8/2021) vợ chồng ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C cùng với chị có đến nhà bà T hỏi vay của bà T số tiền 680.000.000 đồng để chi tiêu trong gia đình, việc này có biên nhận và chữ viết trong biên nhận là của chị là không đúng. Vì thời gian đó, chị đang ở Đồng Nai. Do đó, nay chị yêu cầu Tòa án xem xét chữ viết tại bản tự khai do chị viết, đối chiếu với chữ viết trong biên nhận do bà T cung cấp để giải quyết vụ án, trong vụ kiện này chị không có yêu cầu gì và cho chị xin vắng mặt vì điều kiện ở xa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Ngọc T1, chị Mai Thị Hồng L, chị Huỳnh Thị Anh T2, chị Huỳnh Thị Minh T3, chị Nguyễn Thị Tuyết N1 trình bày:

Anh, chị là con trai, con dâu và cháu nội của ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C. Việc bà C có quan hệ vay mượn tiền của bà Kiên Ngọc T hay không thì anh, chị không biết nhưng việc bà C đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AD 586460, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01387 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/5/2006 cho hộ ông Huỳnh Văn M cho bà T là có thật do bà T cũng thừa nhận có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, việc bà T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho chị Đinh Thị Mỹ D, sinh năm 1996; địa chỉ ấp B, xã C là ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình. Do đó, anh, chị thống nhất với yêu cầu phản tố của ông M và bà C yêu cầu Tòa xem xét buộc bà Kiên Ngọc T, chị Đinh Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà C và ông M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đinh Thị Mỹ D trình bày:

Do chỗ quen biết, chị có cho bà Kiên Ngọc T vay số tiền 680.000.000 đồng, khi vay bà T có đưa cho chị một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AD 586460 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/5/2006 cho hộ ông Huỳnh Văn M để làm tin, hiện nay chị đang giữ giấy này. Chị được biết bà Lê Thị Kim C đang bị bà Kiên Ngọc T thưa tại tòa và bà C khai có thể chấp giấy chủ quyền trên cho bà T để làm tin. Bà C và ông M có yêu cầu bà T trả lại giấy chủ quyền trên. Nay trong vụ kiện này, chị đồng ý trả lại giấy chủ quyền trên cho bà Kiên Ngọc T do bà T là người đưa cho chị ngay khi bản án có hiệu lực. Đối với việc bà T có thiếu nợ chị, chị không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 105, 166, 279, Điều 288, khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiên Ngọc T.

Buộc ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C phải cùng liên đới trả cho bà Kiên Ngọc T số tiền vốn vay 680.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C.

Buộc bà Kiên Ngọc T và chị Đinh Thị Mỹ D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AD 586460, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01387 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/5/2006 cho hộ ông Huỳnh Văn M.

Nếu bà Kiên Ngọc T và chị Đinh Thị Mỹ D không giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, bị đơn ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C đồng ý trả cho bà Kiên Ngọc T số tiền 250.000.000 đồng và xin trả dần hàng tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì vợ chồng ông bà đã già, không còn khả năng lao động, hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn Lê Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn Kiên Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhận định có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, từ đó đề nghị sửa bản án sơ

thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 250.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị Mỹ D, Huỳnh Thị Minh T3 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia phiên tòa; Ông Huỳnh Văn M, chị Nguyễn Thị Kim N, ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc T1, bà Mai Thị Hồng L, bà Huỳnh Thị Anh T2, bà Nguyễn Thị Tuyết N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

[2] Nội dung xét kháng cáo của bị đơn Huỳnh Văn M và Lê Thị Kim C:

Nguyên đơn Kiên Ngọc T yêu cầu bị đơn Huỳnh Văn M, Lê Thị Kim C liên đới trả số tiền vay là 680.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là “Giấy mượn tiền” ngày 23/9/2021 (nhằm ngày 07/8/2021 âm lịch) có chữ ký tên ghi họ tên Lê Thị Kim C (bút lục 36).

Bà C trình bày, bà C thừa nhận chữ ký tên, ghi họ tên trên “Giấy mượn tiền” ngày 23/9/2021 là do Bà thực hiện, nhưng khi ký tên viết họ tên thì nội dung giấy mượn tiền ngoài phần chữ được đánh máy sẵn thì không có phần chữ viết bằng bút bi màu xanh. Bà T khai toàn bộ chữ viết tay bằng bút bi màu xanh do chị Nguyễn Thị Kim N là cháu dâu bà C đi cùng bà C vào ngày 23/9/2021 viết hộ và “*ghi người làm chứng Nguyễn Thị Kim N*” vào cuối giấy mượn tiền. Bà C và chị N phản đối lời khai trên của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/6/2024, chị N có yêu cầu giám định chữ viết, và chữ “*ghi người làm chứng Nguyễn Thị Kim N*” có phải do C2 viết ra hay không. Theo yêu cầu của chị N, Tòa án ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 09/2024/QĐ-TCGD ngày 10/7/2024 trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh T cho giám định: Chữ viết bằng bút bi màu xanh giữa các đoạn đánh máy ở nội dung “Giấy mượn tiền” và chữ viết phần cuối “*Người làm chứng Nguyễn Thị Kim N*” tại “Giấy mượn tiền” ngày 23/9/2021 giữa Lê Thị Kim C và Kiên Ngọc T (Mẫu A-tài liệu cần giám định) và chữ viết, chữ ghi họ tên của chị Nguyễn

Thị Kim N trong các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) có phải do cùng một người viết ra hay không. Ngày 12/8/2024, Phòng K1 Công an tỉnh T có Kết luận giám định số 917/KL-KTHS(Đ2) xác định: “*Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên Nguyễn Thị Kim N trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 không phải do cùng một người viết ra*”. Như vậy, dù cơ sở xác định lời khai của bà T là không đúng sự thật; đối với lời khai của bà C khi ký, ghi họ tên mình vào “Giấy mượn tiền” thì toàn bộ giấy mượn tiền không có chữ viết bằng bút bi màu xanh giữa các đoạn đánh máy là phù hợp, nên “Giấy mượn tiền” ngày 23/9/2021 do bà T cung cấp không có giá trị chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm, bà T có đoạn ghi hình, có âm thanh giữa bà T, bà C và ông M. Tài liệu này không thể hiện được ghi chép vào thời gian, hoàn cảnh nào; qua văn bản trình bày ngày 23/5/2023 của người đại diện bà T (bút lục 55) và biên bản đối chất ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C (bút lục 99) thì không có lời nói nào của ông M hay của bà C xác nhận có nợ và có nhận của bà T số tiền 680.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T trình bày: khi đưa giấy “Giấy mượn tiền” ngày 23/9/2021 cho bà C là bà T chưa trông phần nội dung, chỉ có phần chữ đánh máy, bà C ký ghi họ tên xong thì cầm giấy này về nhà điền phần chữ viết bằng bút bi vào để đưa lại cho B2 và nói là chữ viết của Nguyễn Thị Kim N. Xét thấy tại biên bản đối chất ngày 21/12/2022 (bút lục 34), bà C khai: “*Tôi cho ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C vay một lần số tiền 680.000.000 đồng. Cụ thể: Vào ngày 23/9/2021 (nhằm ngày 07/8/2021) vợ chồng ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C cùng với bà Nguyễn Thị kim N2 đến nhà hỏi vay của tôi số tiền 680.000.000 đồngKhi vay có làm biên nhận là giấy mượn tiền do tôi chuẩn bị sẵn, cháu bà Lê Thị Kim C là chị Nguyễn Thị Kim N điền thông tin vào, bà C ký tên, ghi họ tên*”, bà C còn khai: Thời điểm Bà cho bà C vay tiền vào ngày 23/9/2021 có mặt bà C, ông M và chị Kim N. Như vậy, lời trình bày của bà C tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là không thống nhất và mâu thuẫn nhau.

Từ đó, Tòa án cấp phúc thẩm không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu buộc ông M và bà Chi trả số tiền nợ theo “Giấy mượn tiền” ngày 23/9/2021.

Tuy nhiên, bà C và ông M thừa nhận có giao dịch vay tiền của bà T và có nợ số tiền vốn vay là 250.000.000 đồng. Ông M và bà C đồng ý liên đới trả số tiền này cho bà T. Xét yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền lãi bị đơn đã trả là 33.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền còn nợ, cũng như bị đơn cũng không có gì đối với số tiền lãi đã trả nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, ông M; sửa bản án sơ thẩm về số tiền nợ ông M và bà C phải trả

cho bà T là 250.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà T buộc bà C và ông M trả số tiền nợ là 680.000.000 đồng.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về chi phí tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim N là người yêu cầu Tòa án trung cầu giám định theo Quyết định số 09/2024/QĐ-TCGD ngày 10/7/2024 có nộp chi phí giám định tổng cộng là 6.200.000 đồng, kết quả giám định đã chứng minh cho lời khai của chị N là có căn cứ, bên cạnh đó, giữa chị N và bà T không có thỏa thuận nào liên quan đến chi phí giám định này nên căn cứ vào quy định tại Điều 159, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự cần buộc bà T hoàn trả lại chị N số tiền 6.200.000 đồng.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bà C, ông M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án cần xác định lại nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với bà T về yêu cầu bị đơn trả số tiền chênh lệch không được Tòa án chấp nhận (680.000.000đồng – 250.000.000đồng = 430.000.000đồng) là 21.400.000 đồng và án phí sơ thẩm về yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận; tổng cộng là 21.700.000 đồng. Ông M, bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ phải trả 250.000.000 đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 159, Điều 161, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166, Điều 279, Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Huỳnh văn M2 và Lê Thị Kim C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiên Ngọc T.

Buộc ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kiên Ngọc T số tiền vốn vay là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C.

Buộc bà Kiên Ngọc T và chị Đinh Thị Mỹ D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AD 586460, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01387 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/5/2006 cho hộ ông Huỳnh Văn M. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu bà Kiên Ngọc T và chị Đinh Thị Mỹ D không giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Về án phí:

Ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Bà Kiên Ngọc T phải chịu 21.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.600.000 đồng theo biên lai thu số 0002728 ngày 01/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nên bà T còn phải nộp tiếp 6.400.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Kiên Ngọc T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền chi phí giám định là 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt